

Số: 2021 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 05 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng
trên địa bàn Vườn Quốc gia Phú Quốc.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban Quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 1537/BNN-TCLN ngày 04/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 389/TTr-SNNPTNT ngày 29/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn Vườn Quốc gia Phú Quốc, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Đề án: Đề án thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn Vườn Quốc gia Phú Quốc.

2. Chủ đầu tư: Vườn Quốc gia Phú Quốc.



3. Đơn vị tư vấn lập đề án: Trung tâm Nghiên cứu rừng và Đất ngập nước, trực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

4. Địa điểm, diện tích khảo sát lập Đề án

4.1. Địa điểm: Toàn bộ diện tích rừng trên địa bàn do Vườn Quốc gia Phú Quốc quản lý.

4.2. Diện tích:

Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp quy hoạch của Vườn Quốc gia Phú Quốc là 29.596 ha, trong đó:

- Tổng diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng là: 28.602,72 ha.
- Tổng diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng sau khi quy đổi theo hệ số K là: 26.291,10 ha.
- Đối tượng rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng ở Vườn Quốc gia Phú Quốc là rừng tự nhiên và rừng trồng cây gỗ lớn (sao, dầu, trai, dó bầu, ...) bằng phương thức làm giàu rừng.

5. Mục tiêu Đề án

- Huy động các nguồn lực xã hội để bảo vệ và phát triển rừng, tạo điều kiện để ngành lâm nghiệp hoạt động đúng quy luật của nền kinh tế sản xuất hàng hóa.

- Bảo đảm cho người lao động trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất, bảo vệ phát triển rừng được chi trả giá trị của rừng do mình tạo ra, đúng giá trị của rừng đem lại cho xã hội.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng cho các chủ rừng, góp phần thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp. Là cơ sở để theo dõi, cập nhật, tính toán mức chi trả dịch vụ môi trường rừng cho đúng các đối tượng trong nhiều năm.

6. Các nội dung Đề án

6.1. Loại dịch vụ môi trường rừng thực hiện chi trả trên địa bàn Vườn Quốc gia Phú Quốc

- Điều tiết, duy trì nguồn nước cho sản xuất và đời sống xã hội.
- Bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng cho kinh doanh dịch vụ du lịch.

6.2. Đối tượng phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng

- Các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất nước sạch theo quy định tại Khoản 2 Điều 63 Luật Lâm nghiệp.

- Các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng theo quy định tại Khoản 2 Điều 63 Luật Lâm nghiệp.

6.3. Hình thức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng

- Hình thức chi trả gián tiếp thông qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kiên Giang được áp dụng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sạch.

- Hình thức chi trả trực tiếp cho Vườn Quốc gia Phú Quốc được áp dụng đối với các cơ sở kinh doanh du lịch.

6.4. Mức chi trả và xác định số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng

6.4.1. Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh nước sạch

a. Mức chi trả: 52 đồng/m³ nước thương phẩm (theo quy định tại Khoản 2 Điều 59 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ).

b. Số tiền dịch vụ môi trường rừng phải chi trả trong kỳ hạn thanh toán được xác định bằng sản lượng nước thương phẩm trong kỳ hạn thanh toán (m³) nhân với mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng tính trên 1 m³ (52 đồng/m³).

6.4.2. Đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch

a. Nguyên tắc:

- Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 59 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch tối thiểu bằng 1% trên tổng doanh thu du lịch thực hiện trong kỳ, do bên cung ứng và bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng tự thỏa thuận dựa trên cơ sở, điều kiện thực tiễn.

- Tất cả các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn huyện Phú Quốc phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) để thực hiện trách nhiệm bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và trách nhiệm về xã hội nhằm thực hiện mục tiêu phát triển du lịch bền vững của Phú Quốc.

- Quy định 2 tiêu chí về mức chi trả tiền DVMTR phù hợp với 2 mức độ liên quan của hoạt động kinh doanh du lịch đối với trách nhiệm bảo vệ rừng của các cơ sở kinh doanh du lịch nhằm thể hiện sự công bằng trong thực hiện chính sách chi trả DVMTR và làm cơ sở cho Vườn Quốc gia Phú Quốc và cơ sở du lịch thỏa thuận mức chi trả.

b. Các tiêu chí:

- Tiêu chí 1: Áp dụng đối với các cơ sở có hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch ngay trong rừng, bao gồm các dự án phát triển du lịch trong phạm vi Vườn Quốc gia Phú Quốc theo loại hình thuê môi trường rừng và liên doanh, liên kết với chủ rừng.

Các cơ sở kinh doanh du lịch được cơ quan có thẩm quyền cho liên doanh, liên kết hoặc thuê môi trường rừng, được phép đặt trụ sở kinh doanh ngay trong rừng, sử dụng môi trường rừng của Vườn Quốc gia Phú Quốc để kinh doanh các dịch vụ: Du lịch nghỉ dưỡng; Du lịch ăn uống, mua sắm; Du lịch thể thao, giải trí, vui chơi; Du lịch tham quan các cảnh quan thiên nhiên, sinh cảnh rừng, hệ sinh thái; Du lịch chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe; Các dịch vụ du lịch khác sử dụng môi trường rừng.

Số tiền dịch vụ môi trường rừng phải chi trả trong kỳ hạn thanh toán được xác định bằng tổng doanh thu du lịch trong kỳ hạn thanh toán (đồng) nhân với mức chi trả tiền DVMTR (1,5%).

- Tiêu chí 2: Áp dụng với các cơ sở kinh doanh du lịch (lưu trú, lữ hành) có trụ sở bên ngoài phạm vi rừng của Vườn Quốc gia Phú Quốc trên địa bàn các xã Gành Dầu, Cửa Cạn, Cửa Dương, Bãi Thơm, Hàm Ninh, Dương Tơ (các ấp Cửa Lấp, Suối Đá, Suối Mây, Dương Tơ) và thị trấn Dương Đông, trong vùng địa lý cảnh quan rừng, được hưởng lợi từ cảnh quan thiên nhiên rừng và khí hậu trong lành nhờ thảm thực vật rừng để hấp dẫn, thu hút khách du lịch.

Số tiền dịch vụ môi trường rừng phải chi trả trong kỳ hạn thanh toán được xác định bằng tổng doanh thu du lịch trong kỳ hạn thanh toán (đồng) nhân với mức chi trả tiền DVMTR (1,0%).

c. Các cơ sở kinh doanh du lịch tự kê khai và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu tổng doanh thu du lịch trong kỳ hạn thanh toán.

d. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là một yếu tố trong giá thành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng (quy định tại Khoản 4 Điều 62 Luật Lâm nghiệp).

đ. Sau 05 (năm) năm thực hiện chi trả đối với dịch vụ môi trường rừng về du lịch, Vườn Quốc gia Phú Quốc phối hợp với UBND huyện Phú Quốc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành tổng kết, đánh giá mức chi trả đã áp dụng và đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

6.5. Đối tượng cung ứng dịch vụ môi trường rừng, được nhận tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng

- Các nhóm cộng đồng dân cư của 21 ấp thuộc 6 xã vùng đệm Vườn Quốc gia Phú Quốc sẽ ký hợp đồng nhận khoán bảo vệ và phát triển rừng tại phân khu phục hồi sinh thái với Vườn Quốc gia Phú Quốc và được nhận tiền dịch vụ môi trường rừng.

- Các đơn vị lực lượng vũ trang có trụ sở đóng quân trong phạm vi vùng đệm Vườn Quốc gia Phú Quốc ký hợp đồng nhận khoán bảo vệ và phát triển rừng tại phân khu phục hồi sinh thái với Vườn Quốc gia Phú Quốc và được nhận tiền dịch vụ môi trường rừng.

- Lực lượng bảo vệ rừng của Vườn Quốc gia Phú Quốc.

6.6. Vị trí, phạm vi, diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng

- Phân theo ba loại rừng: Là rừng đặc dụng, đối tượng rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng ở Vườn Quốc gia Phú Quốc là rừng tự nhiên và rừng trồng cây gỗ lớn (sao, dầu, trai, dó bầu, ...) bằng phương thức làm giàu rừng.

- Tổng diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng là: 28.602,72 ha.

- Tổng diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng sau khi quy đổi theo hệ số K là: 26.291,10 ha.



Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tổ chức triển khai Đề án thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn Vườn Quốc gia Phú Quốc.

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND huyện Phú Quốc tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị sử dụng và các đơn vị cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn Vườn Quốc gia Phú Quốc triển khai thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng được UBND tỉnh phê duyệt.

- Chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh phối hợp với các sở, ngành, UBND huyện Phú Quốc và các đơn vị sử dụng, đơn vị cung ứng dịch vụ môi trường rừng lập kế hoạch chi trả dịch vụ môi trường rừng cụ thể hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

- Xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh và của Vườn Quốc gia Phú Quốc hàng năm. Thực hiện các nội dung tài chính có liên quan thuộc phạm vi trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

- Định kỳ hàng tháng, quý, năm tham mưu báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh về tình hình thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn Vườn Quốc gia Phú Quốc.

2. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh

- Chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu việc lập kế hoạch thu và chi trả dịch vụ môi trường rừng, chịu trách nhiệm trong quản lý, thanh toán và quyết toán hàng năm theo đúng các quy định hiện hành.

- Hàng năm tổ chức cập nhật, bổ sung, điều chỉnh danh sách các đơn vị, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn Vườn Quốc gia Phú Quốc và về doanh thu, sản lượng thương phẩm để điều chỉnh kinh phí phải chi trả nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Vườn Quốc gia Phú Quốc

- Chủ trì, phối hợp với UBND huyện Phú Quốc tổ chức công tác tuyên truyền, vận động các đối tượng sử dụng dịch vụ môi trường rừng và các đơn vị nhận khoán bảo vệ rừng về các văn bản, pháp luật về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Chủ trì, phối hợp với UBND huyện Phú Quốc tổ chức ký hợp đồng chi trả dịch vụ môi trường rừng với các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn Phú Quốc.

- Chủ trì rà soát việc khoán rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn, bao gồm hồ sơ khoán theo quy định hiện hành của pháp luật để làm



ơ sở ký hợp đồng chi trả dịch vụ môi trường rừng. Việc khoán rừng phải làm rõ phạm vi, ranh giới, hiện trạng rừng để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát kết quả bảo vệ rừng và chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Chủ trì, phối hợp với UBND huyện Phú Quốc, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tổ chức hội nghị sơ kết 6 tháng vào đầu Quý IV và tổng kết năm vào đầu Quý I năm sau về công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn Vườn Quốc gia Phú Quốc.

- Thực hiện chức năng nhà nước của Ban Quản lý rừng đặc dụng, phối hợp với UBND huyện Phú Quốc trong công tác phúc tra, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng đối với các đơn vị nhận khoán, xác minh hiện trạng, chất lượng rừng, xử lý, giải quyết các vấn đề liên quan diện tích rừng trong khu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng khi có biến động về hiện trạng rừng.

4. UBND huyện Phú Quốc

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện tốt các nội dung của đề án thuộc trách nhiệm của mình; chủ trì giải quyết những vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện chính sách dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn quản lý.

- Phối hợp với Vườn Quốc gia Phú Quốc tổ chức công tác tuyên truyền, vận động các đối tượng sử dụng dịch vụ môi trường rừng và các đơn vị nhận khoán bảo vệ rừng về các văn bản, pháp luật về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Phối hợp với Vườn Quốc gia Phú Quốc tổ chức ký hợp đồng chi trả dịch vụ môi trường rừng với các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn huyện Phú Quốc.

5. Các sở, ngành chức năng có liên quan

Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, Chi cục Kiểm lâm theo chức năng, chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh và Vườn Quốc gia Phú Quốc tổ chức tuyên truyền vận động, phổ biến pháp luật liên quan đến lâm nghiệp và chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và triển khai thực hiện các nội dung liên quan trong việc thực hiện đề án này để nhân dân, các doanh nghiệp và khách du lịch hiểu được ý nghĩa thiết thực của việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

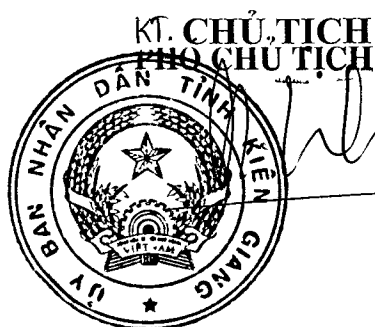
6. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn Vườn Quốc gia Phú Quốc có trách nhiệm nộp tiền dịch vụ môi trường rừng do đơn vị sử dụng theo định mức thu tại Quyết định này về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng đúng kỳ hạn và theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Văn hóa và Thể thao, Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho Bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang; Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phú Quốc; Giám đốc Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; Giám đốc Vườn Quốc gia Phú Quốc; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc (Thủ trưởng) các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *Đax*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Sở NN&PTNT (03b);
- Vườn Quốc gia Phú Quốc (03b);
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, cvquoc, (01b).



Mai Anh Nhịn